

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2018

V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thạch

2. Bà Lê Ngọc Trầm

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện HT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:*** Ông Đặng Quốc Sĩ – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 603/2017/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2018. Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/QĐST-HNGĐ, ngày 17/01/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **BTD**, sinh năm 1981 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 36/6C, tổ 29, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

- ***Bị đơn:*** Anh **NTL**, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 36/6C, tổ 29, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2017 và các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị BTD trình bày:

Chị và anh NTL chung sống vào năm 2003 đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện HT, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu, không quan tâm lo lắng cho vợ con, ngoài ra còn ghen tuông vô cớ nên đánh chị, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/ 2015 cho đến

nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con tên NHNH, sinh ngày 25/3/2004 và NTMD, sinh ngày 29/4/2013, hiện cháu D đang sống với chị D, cháu H sống với anh L. Trường hợp ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Mỹ Duyên, giao cháu H cho anh L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày không có.

Bị đơn – anh NTL đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về người tham gia tố tụng chị D thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh L vắng mặt.

Về nội dung:

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị BTD đối với anh NTL.

Về con chung, giao cháu NTMD, sinh ngày 29/4/2013 cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu NHNH, sinh ngày 25/3/2004 cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D, anh L trình bày không có.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh NTL nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng anh L không tham gia hòa giải cũng như không dự phiên tòa hôm nay. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, thông báo cho anh L theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của chị BTD Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị D và anh L chung sống vào năm 2003 đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TT,

huyện HT, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh L không lo làm ăn mà thường xuyên nhậu, không quan tâm lo lắng cho vợ con, ngoài ra còn ghen tuông nên đánh chị D, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/ 2015 cho đến nay, chị D yêu cầu được ly hôn với anh L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2017 anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D, Tuy nhiên anh L không tham gia hòa giải, không tham dự phiên tòa nên không thể hiện ý kiến của anh L, anh L từ bỏ quyền lợi của mình. Từ lời trình bày của chị D nên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2] Về con chung: Chị D và anh L chung sống có 02 con tên NHHH, sinh ngày 25/3/2004 và NTMD, sinh ngày 29/4/2013, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2017 anh L yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con, chị D yêu cầu được nuôi cháu Mỹ Duyên. Xét yêu cầu nuôi con của chị D và anh L thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân chị D nuôi cháu Mỹ Duyên, anh L nuôi cháu Nhật Hòa, cháu Nhật Hòa muốn tiếp tục sống với anh L, để ổn định nơi ở, người chăm sóc và sự phát triển bình thường của 02 cháu nên cần giao cháu H cho anh L, giao cháu Mỹ Duyên cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị D và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung; về nợ chung: Chị D và anh L trình bày không có.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh L. Chị D được ly hôn với anh L.

2. Về con chung:

Giao cháu NTMD, sinh ngày 29/4/2013 cho chị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu NHHH, sinh ngày 25/3/2004 cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị D và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung; về nợ chung: Chị D và anh L trình bày không có.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp theo

biên lai thu số: 0004504, ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Báo cho chị D biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- CC.THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc.....giờ.....ngày 24 tháng 01 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thạch**

2. Bà **Lê Ngọc Trâm**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 603/2017/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **BTD**, sinh năm 1981 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 36/6C, tổ 29, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

- *Bị đơn*: Anh **NTL**, sinh năm 1983 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 36/6C, tổ 29, ấp LH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

+ Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Trần Văn Thạch:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị BTĐ đối với anh NTL. Chị D được ly hôn với anh L.

2. Về con chung:

Giao cháu NTMD, sinh ngày 29/4/2013 cho chị Duyên trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu NHHN, sinh ngày 25/3/2004 cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị D và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung; về nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị BTĐ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị D đã nộp theo biên lai thu số: 0004504, ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Chị D và anh L có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Lê Ngọc trầm: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân Trần Văn Thạch.

Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Thống nhất theo ý kiến của Hội thẩm nhân dân Trần Văn Thạch.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 24 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

